

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI NHẬP VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI NHẬP VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTEGRATION AND GLOBAL EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: IGE J.S.C

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108140475

**3. Ngày thành lập:** 22/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

142 ngách 158/111 phố Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986644000

Fax: huevina.isl@gmail.com

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                   | 7410     |
| 2.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                   | 7911     |
| 3.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết:<br>- Photo, chuẩn bị tài liệu<br>-Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác | 8219     |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                         | 1812     |
| 5.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                        | 1820     |
| 6.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                              | 4931     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                   | 4933     |
| 8.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>-Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                | 7830     |
| 9.  | In ấn                                                                                                                                                            | 1811     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>-Đại lý<br>-Môi giới                                                                                                   | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6619        |
| 12. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>+ Hoạt động phiên dịch;<br>+ Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.                                                                                                                                                                 | 7490        |
| 13. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: -Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7810        |
| 14. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7820        |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610        |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh. | 7730        |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8559        |
| 18. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ Tư vấn du học (Quy định tại Điều 106 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)                                                                                                                                                                                                                                                    | 8560(Chính) |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4932        |
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510        |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5630        |

|     |                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                             | 7320 |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                | 7912 |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                         | 7920 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu<br>+ Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; | 5229 |
| 26. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                        | 5621 |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                            | 8230 |
| 28. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                           | 8532 |
| 29. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                  | 7420 |
| 30. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                          | 8552 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Theo Điều 28, Luật Thương mại 2005)         | 8299 |
| 32. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                | 8211 |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                            | 7310 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐOÀN THANH QUANG | Số 48A/90, ngõ 445 đường Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    | 013544177                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                  | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                                                                       |                         |        |             |        |                  |  |
|---|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 2 | LƯU THOAN           | số 69 Ngõ 242<br>đường Láng,<br>Phường Thịnh<br>Quang, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                              | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 35.000 | 350.000.000 | 35,000 | 012655543        |  |
|   |                     |                                                                                                                                       | Tổng số                 | 35.000 | 350.000.000 | 35,000 |                  |  |
| 3 | LƯU TRUNG<br>HIẾU   | Xóm 8, Xã Quang<br>Lịch, Huyện Kiến<br>Xương, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam                                                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | B8100421         |  |
|   |                     |                                                                                                                                       | Tổng số                 | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |  |
| 4 | LÊ THỊ<br>HUƠNG TRÀ | Số 9, ngách<br>1104/2 Đường La<br>Thành, Phường<br>Ngọc Khánh,<br>Quận Ba Đình,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  | 0011840057<br>11 |  |
|   |                     |                                                                                                                                       | Tổng số                 | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  |                  |  |
| 5 | ĐOÀN THỊ<br>HUỆ     | Phòng 44, Nhà<br>D6, khu tập thể<br>Giảng Võ, Phố<br>Giảng Võ ,<br>Phường Giảng<br>Võ, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 | 012593113        |  |
|   |                     |                                                                                                                                       | Tổng số                 | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN THỊ HUỆ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/08/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012593113

Ngày cấp: 24/08/2009

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 44, Nhà D6, khu tập thể Giảng Võ, Phố Giảng Võ , Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 44, Nhà D6, khu tập thể Giảng Võ, Phố Giảng Võ , Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội